

Điều 15.-

1. Cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự nước ngoài và cơ quan Đại diện của Tổ chức Quốc tế tại Việt Nam có thể thông qua Bộ Ngoại giao Việt Nam hoặc trực tiếp yêu cầu các cơ quan hữu quan của Việt Nam giải quyết và cung ứng các dịch vụ liên quan đến trụ sở cơ quan, nhà ở, điện, nước, y tế và các dịch vụ tương tự khác.

2. Các cơ quan đại diện nói tại Khoản 1 Điều này khi có nhu cầu tuyển dụng người Việt Nam vào làm việc phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam về tuyển dụng lao động và phải thông qua Bộ Ngoại giao Việt Nam.

Chương IV**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Điều 16.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 17.- Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Thương mại, Bộ Văn hóa - Thông tin, Tổng cục Hải quan, Tổng cục Bưu điện trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có nhiệm vụ hướng dẫn và tổ chức thực hiện Pháp lệnh về Quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan Đại diện ngoại giao, cơ quan Lãnh sự và cơ quan Đại diện của Tổ chức Quốc tế tại Việt Nam và Nghị định này.

Điều 18.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 74-CP ngày 30-7-1994 về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường và đổi mới công tác về người Việt Nam ở nước ngoài;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Việt kiều Trung ương và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Thành lập Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài thay thế Ban Việt kiều Trung ương hiện nay.

Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài là quan thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước và chỉ đạo lĩnh vực công tác người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Điều 2.- Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Nghiên cứu tổng hợp tình hình về cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài; đề xuất với Chính phủ chủ trương, chính sách đối với cộng đồng.

2. Trình Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh và các văn bản khác liên quan đến người Việt Nam định cư ở nước ngoài; ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn thi hành các quy định của Chính phủ; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các văn bản đã ban hành.

3. Phối hợp với các cơ quan có liên quan bảo hộ quyền lợi chính đáng của người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên cơ sở pháp luật Việt Nam, pháp luật nước sở tại và luật pháp quốc tế; đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế với Chính phủ các nước có người Việt Nam định cư theo ủy quyền của Chính phủ.

4. Xây dựng chủ trương và phương thức vận động người Việt Nam định cư ở nước ngoài nâng cao ý thức cộng đồng, đoàn kết tương thân tương trợ, phát huy truyền thống yêu nước, giữ gìn bản sắc dân tộc; tạo điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài góp phần xây dựng quê hương đất nước, giúp đỡ người thân ở trong nước, phối hợp với các đoàn thể trong công tác vận động thân nhân của họ ở trong nước.

5. Hướng dẫn, giúp đỡ người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong các mối liên hệ với đất nước; giới thiệu với người Việt Nam định cư ở nước ngoài các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và giới thiệu với trong nước khả năng của người Việt Nam ở nước ngoài; cùng với các cơ quan Nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức kinh tế và xã hội ở trong nước tổ chức các mối quan hệ hợp tác về kinh tế, khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo, văn hóa và các lĩnh vực khác giữa người Việt Nam định cư ở nước ngoài với trong nước.

6. Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức công tác thông tin tuyên truyền nhằm đáp ứng nhu cầu hiểu biết tình hình đất nước, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và học tiếng Việt của cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài, đồng thời giới thiệu với trong nước những thành tựu văn hóa, khoa học kỹ thuật, kinh tế của cộng đồng.

7. Phối hợp với các ngành hữu quan trong việc giải quyết chính sách đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

8. Thực hiện hợp tác quốc tế với các nước, với các tổ chức quốc tế trong công tác người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo quy định của Chính phủ.

9. Bồi dưỡng và đào tạo cán bộ về công tác người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

10. Quản lý tổ chức, công chức, viên chức và cơ sở vật chất của Ủy ban theo quy định của Chính phủ.

Điều 3. - Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài do Chủ nhiệm Ủy ban phụ trách; giúp việc Chủ nhiệm có các Phó Chủ nhiệm. Chủ nhiệm Ủy ban chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về toàn bộ công tác được giao, các Phó Chủ nhiệm chịu trách nhiệm trước Chủ nhiệm về nhiệm vụ được phân công. Chủ nhiệm, các Phó Chủ nhiệm do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Điều 4. - Tổ chức bộ máy của Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài gồm có:

- Văn phòng.
- Vụ Các khu vực.
- Vụ Thông tin văn hóa.
- Vụ Quan hệ kinh tế, khoa học, công nghệ.
- Trung tâm Thông tin tư liệu.

Chức năng, nhiệm vụ, biên chế cụ thể của các đơn vị của Ủy ban do Chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài quy định.

Điều 5. - Thành lập Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài trực thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thay thế Ban Việt kiều thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Việc thành lập Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài và ý kiến thẩm định của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ. Ở nơi có đông thân nhân người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà chưa có Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, thì bố trí cán bộ chuyên trách công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong Văn phòng Ủy ban Nhân dân hoặc một cơ quan khác của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ở nước ngoài, công tác người Việt Nam định cư ở nước ngoài do người đứng đầu Cơ quan Đại diện Việt Nam phụ trách. Ở một số địa bàn cần thiết có cán bộ chuyên trách công tác người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài có trách nhiệm hướng dẫn về chủ trương và nghiệp vụ công tác người Việt Nam định cư ở nước ngoài đối với tổ chức làm công tác người Việt Nam định cư ở nước ngoài ở các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cơ quan Đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, các đoàn thể liên quan ban hành quy chế bảo đảm sự phối hợp và quan hệ công tác.

Điều 6. - Nghị định này thay thế Nghị định số 3-CP ngày 18-1-1993 của Chính phủ về nhiệm

vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Việt kiều Trung ương và có hiệu lực thi hành từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 7. - Chủ nhiệm Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 81-CP ngày 1-8-1994 quy định chi tiết thi hành Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân (sửa đổi).

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ vào Điều 70 của Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân (sửa đổi) ngày 21 tháng 6 năm 1994. Nghị định này quy định chi tiết thi hành Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân (sửa đổi),

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. - Nắm vững bốn nguyên tắc cơ bản của việc bầu cử là: phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín; là cơ sở bảo đảm quyền tự do dân chủ, bình đẳng của mọi người dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong mỗi cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp.

Điều 2. - Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ nghề nghiệp, đủ 18 tuổi trở lên đều được quyền bầu cử, đủ 21 tuổi trở lên đều có quyền ứng cử làm đại biểu Hội đồng Nhân dân. Cách tính tuổi bầu cử và ứng cử theo quy định trong Điều 2 của Luật. Tính từ ngày 20 tháng 11 năm 1994 trở về trước, công dân có đủ 18 tuổi trở lên thì có quyền bầu cử, có đủ 21 tuổi trở lên thì có quyền ứng cử, mỗi tuổi tròn hay 365 ngày.

Điều 3. - Công dân được sử dụng quyền bầu cử và ứng cử vào Hội đồng Nhân dân không phân biệt về thời hạn cư trú nhưng phải chú ý việc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân ở các cấp theo quy định sau:

a) Đối với Hội đồng Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn: Người cư trú thường xuyên có quyền lợi gắn bó với địa phương; nếu mới di chuyển đến địa phương, phải hoàn tất thủ tục nhập khẩu hoặc có giấy giới thiệu chuyển đến cư trú làm ăn sinh sống tại địa phương mới có quyền bầu cử và ứng cử.

b) Đối với việc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp huyện và tương đương: Việc công dân chuyển nơi cư trú trong phạm vi một huyện thì không phân biệt thời hạn cư trú đều có quyền bầu cử và ứng cử. Nếu di chuyển tới huyện khác phải có giấy tờ di chuyển chính thức mới được quyền bầu cử và ứng cử đại biểu Hội đồng Nhân dân. Nếu đến với mục đích thăm hỏi người thân, khi bầu cử phải trở về huyện cư trú để bầu cử.

c) Đối với việc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh không phân biệt thời hạn cư trú trong phạm vi một tỉnh; người ngoài tỉnh phải có giấy tờ di chuyển chính thức đến làm ăn thì có quyền bầu cử, ứng cử; nếu tạm trú có thời hạn với mục đích thăm hỏi, khi bầu cử phải trở về nơi cư trú chính thức để bầu cử.

d) Đối với các đơn vị cơ động quân đội nhân dân do yêu cầu nhiệm vụ mà di chuyển từ địa phương này sang địa phương khác thì tùy theo điều kiện cụ thể mà có thể tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh, huyện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

Điều 4. - Nắm vững tiêu chuẩn đại biểu Hội đồng Nhân dân để lựa chọn người có năng lực và